

**QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG THEO
PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

***ACCESS TO ENVIRONMENTAL INFORMATION
UNDER THE LAW OF VIETNAM***

Ths. Nguyễn Thị Thúy Kiều

Khoa lý luận chính trị

SĐT: 0939623438

Email: nguyenthithuykiieu@mtu.edu.vn

Tóm tắt:

Quyền tiếp cận thông tin môi trường có vai trò quan trọng trong việc phát huy dân chủ, tăng cường sự minh bạch và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến lĩnh vực môi trường. Quyền này có vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến môi trường, góp phần đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội bền vững.

Từ khóa: quyền, thông tin, môi trường

Abstract:

Access to environmental information is important in promoting democracy, enhancing transparency and accountability of actors in the environment. This right plays an important role in preventing, detecting and dealing with environmental issues in a timely manner, contributing to sustainable economic and social development.

Keywords: rights, information, environment

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, một trong những quy định bảo vệ quyền và lợi ích của công dân cũng như các bên tham gia trong quan hệ pháp luật thì quyền được tiếp cận thông tin là một trong những quyền quan trọng cơ bản được pháp luật quan tâm điều chỉnh. Quyền này đã được quy định cụ thể tại Điều 25 của Hiến pháp 2013. Có rất nhiều quyền tiếp cận thông tin về các lĩnh vực như thông tin đối ngoại, thông tin cá nhân, thông tin điện tử trên internet...trong đó, quyền tiếp cận thông tin môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường 2014 được xem là bước tiến quan trọng để nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường Việt Nam trong giai đoạn hội nhập phát triển. Luật Bảo vệ môi trường 2014 đáp ứng theo đúng tinh thần của Hiến pháp 2013 về quyền của mọi người dân được sống trong môi trường trong lành¹.

Cùng với sự phát triển đất nước cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, vấn đề bảo vệ môi trường hiện nay đang được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Để kiểm soát ô nhiễm môi trường thì việc có được chính xác, đầy đủ các thông tin liên quan đến môi trường là điều vô cùng quan trọng. Nó giúp các chủ thể tham gia quản lý, kiểm soát môi trường có được thông tin về thực trạng môi trường cũng như chất lượng

¹ Xem Điều 43, Hiến pháp 2013.

và sự biến đổi của môi trường để từ đó chủ động, kịp thời trong việc phòng ngừa xử lý các vấn đề liên quan đến môi trường.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về quyền tiếp cận thông tin môi trường

Theo quy định tại Khoản 29, Điều 3, Luật Bảo vệ môi trường 2014 quy định: “*Thông tin môi trường là số liệu, dữ liệu về môi trường dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự*” với các nội dung “*về thành phần môi trường, các tác động đối với môi trường, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, hoạt động bảo vệ môi trường*”². Theo đó, để kiểm soát ô nhiễm môi trường cũng như chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý, phục hồi, khắc phục hậu quả các tác động xấu đến từ môi trường do các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội, pháp luật quy định các thông tin về môi trường phải được công bố, cung cấp cho các đối tượng có liên quan, đối tượng có quan tâm theo luật định³ và cơ quan công khai thông tin môi trường bảo đảm thuận tiện cho những đối tượng có liên quan tiếp nhận thông tin và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin. Việc quy định quyền tiếp cận thông tin về môi trường có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, về công bố, cung cấp thông tin môi trường. Pháp luật quy định tổ chức, cá nhân quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và có trách nhiệm báo cáo thông tin môi trường trong phạm vi quản lý của mình với cơ quan quản lý về môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, cấp xã theo quy định⁴. Bộ, ngành hằng năm có trách nhiệm cung cấp thông tin môi trường liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thứ hai, phạm vi thông tin môi trường, được tiếp cận chủ yếu thuộc hai nhóm: thông tin được cung cấp theo yêu cầu và thông tin phải công khai. Luật Bảo vệ môi trường 2014 quy định có 5 nhóm thông tin môi trường phải được công khai bao gồm: Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Thông tin về nguồn thải, chất thải, xử lý chất thải; Khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; Các báo cáo về môi trường; và Kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên nếu “các thông tin quy định tại khoản này mà thuộc danh mục bí mật Nhà nước thì không được công khai”⁵. Có thể thấy, Luật Bảo vệ môi trường 2014 đã mở rộng phạm vi môi trường phải công khai đối với kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường so với Luật Bảo vệ môi trường 2005 góp phần đảm bảo cơ sở pháp lý chặt chẽ hơn trong việc quản lý, kiểm soát trong lĩnh vực môi trường.

Thứ ba, quyền yêu cầu cung cấp thông tin về môi trường, bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư. Luật Bảo vệ môi trường 2014 đã có một bước tiến quan trọng hơn

² Xem Khoản 1, Điều 128, Luật bảo vệ môi trường 2014.

³ Điều 130, Luật Bảo vệ môi trường 2014.

⁴ Xem Điều 130, Luật Bảo vệ môi trường 2014.

⁵ Điều 131, Luật Bảo vệ môi trường 2014.

trong việc đã bổ sung thêm quyền yêu cầu cung cấp thông tin của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư với mong muốn khuyến khích người dân tham gia tích cực hơn trong công tác bảo vệ môi trường.

Theo quy định, đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản; tổ chức tìm hiểu thực tế về công tác bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thu thập, cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp. Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với cơ sở. Họ có quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thực hiện các biện pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện các yêu cầu của đại diện cộng đồng dân cư.⁶ Bên cạnh đó, các tổ chức xã hội đóng một vai trò quan trọng trong việc phát hiện, tố giác những sai phạm về bảo vệ môi trường. Nhiều tổ chức cộng đồng ở địa phương đã và đang làm tốt vai trò này như vụ phát hiện vi phạm tại Công ty Tung-Kuang ở Hải Dương, Nicotex Thanh Thái ở Thanh Hóa... Mặt khác, các tổ chức xã hội cũng có vai trò tư vấn, khuyến nghị về các vấn đề liên quan đến môi trường, đưa ra những kiến nghị, đề xuất cho việc xử lý và giải quyết các vấn đề đó. Có thể thấy đây là bước tiến tiên bộ trong quy định Luật Bảo vệ môi trường 2014.

Thứ tư, hình thức công khai. Theo quy định tại khoản 2, Điều 131, Luật Bảo vệ môi trường quy định việc công khai phải bảo đảm thuận tiện cho những đối tượng có liên quan tiếp nhận thông tin. Các hình thức cung cấp thông tin môi trường cho cộng đồng dân cư như tài liệu, ấn phẩm, xuất bản phẩm phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng; trang thông tin điện tử chính thức của cơ quan quản lý, chủ đầu tư, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; niêm yết công khai tại cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, trụ sở UBND cấp xã...⁷ Việc cung cấp thông tin môi trường cho cộng đồng được cung cấp định kỳ ít nhất 1 lần/năm và thời gian công khai thông tin trên trang điện tử chính thức và niêm yết tối thiểu là 30 ngày.

2.2. Một số hạn chế trong quy định về quyền tiếp cận thông tin môi trường và kiến nghị hoàn thiện

Có thể thấy, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có những quy định điều chỉnh, hướng dẫn trong vấn đề về bảo đảm quyền được cung cấp thông tin của các chủ thể có liên quan đến lĩnh vực môi trường, song đối với việc cung cấp thông tin môi trường trên thực tế vẫn còn tồn tại một số hạn chế như không ít cơ sở sản xuất, kinh doanh có báo cáo ĐTM hoặc cam kết bảo vệ môi trường chưa thực hiện nghiêm theo Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ môi trường 2014 mới đi vào thực hiện, không ít cơ quan địa phương giải quyết còn hạn chế về cách thức bảo

⁶ Xem Điều 146, Luật Bảo vệ môi trường 2014.

⁷ Xem Nghị định 19/2015 ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2014.

đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân đối với các báo cáo ĐTM. Có thể liệt kê một số hạn chế như sau:

Một là, thiếu quy định pháp lý về thời hạn phải trả lời, cung cấp thông tin liên quan đến môi trường của các chủ thể liên quan. Hạn chế này gây ảnh hưởng đến công tác giải quyết khiếu nại cũng như trong việc bảo vệ quyền lợi người dân khi tham gia vào đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như đảm bảo cuộc sống người dân trong môi trường đó. Thông tin không được cung cấp một cách kịp thời dẫn đến việc người dân có thể tiếp nhận những thông tin sai lệch, ảnh hưởng đến đời sống sản xuất, kinh doanh. Do thiếu thông tin nên sự tham gia của nhân dân vào hoạt động quản lý nhà nước cũng như việc giám sát và phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội đối với hoạt động của cơ quan nhà nước cũng sẽ bị hạn chế.

Việc thiếu thông tin cũng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước, đến năng lực thực thi công vụ của cán bộ, công chức, vô hình chung dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật không thống nhất, thiếu bình đẳng, làm gia tăng sự tùy tiện, tham nhũng, tiêu cực của một bộ phận cán bộ, công chức. Do đó, để bảo đảm quyền được cung cấp thông tin về môi trường của người dân được thực hiện hiệu quả cần hoàn thiện hành lang pháp lý quy định cụ thể về trình tự thủ tục, thẩm quyền, thời hạn trả lời cung cấp thông tin nhằm bảo đảm rằng công dân được thực hiện quyền tiếp cận thông tin một cách thuận tiện, nhanh chóng và ít tốn kém nhất.

Hai là, Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ ra đời thay thế cho Nghị định số 179/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác bảo vệ môi trường, tuy nhiên, quy định mới chỉ xử phạt vi phạm đối với các bên liên quan không cung cấp thông tin, cung cấp thông tin không đúng cho cơ quan quản lý nhà nước chứ chưa có quy định xử lý chế tài cụ thể đối với việc cơ quan quản lý hay các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không cung cấp thông tin cho người dân theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần bổ sung quy định hình thức chế tài chặt chẽ khi các chủ thể có liên quan không thực hiện đúng nghĩa vụ về cung cấp thông tin liên quan đến môi trường để bảo đảm thực thi tốt pháp luật và bảo vệ tốt môi trường sống cho người dân.

Ba là, hiện nay, việc công khai thông tin đã được quy định chặt chẽ tuy nhiên, việc công khai thông tin vẫn còn nằm rải rác ở nhiều cơ quan quản lý và được quản lý, công bố trên nhiều trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở..., gây khó khăn trong việc thu thập, quản lý và xử lý thông tin. Vì vậy, cần hoàn thiện và cập nhật cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia đầy đủ, kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tìm kiếm và tiếp cận thông tin đặc biệt là của cộng đồng dân cư.

Bốn là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh về cách thức thực thi trách nhiệm cung cấp thông tin môi trường của mình theo quy định và xử lý nghiêm hành vi vi phạm không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trên cơ sở đó, giúp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhận thức rõ về trách nhiệm của mình, làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện trong thực tế. Tăng cường giám sát và xử lý vi phạm,

khuyến nài trong lĩnh vực cung cấp thông tin đó cũng là một trong những biện pháp để góp phần bảo vệ môi trường sống cho mọi người. Mặt khác, cần xác định những lĩnh vực có sự tham gia của tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể pháp luật có liên quan tới sự tham gia của tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư... trong hoạt động bảo vệ môi trường. Để bảo đảm vai trò của tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường được phát huy tốt.

3. Kết luận

Quy định quyền tiếp cận thông tin về môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường 2014 là một bước tiến quan trọng trong việc quản lý lĩnh vực môi trường cũng như tạo cơ sở để góp phần đảm bảo một môi trường sống trong lành của người dân theo tinh thần của Hiến pháp 2013. Bên cạnh đó, việc thực hiện tốt quy định về quyền tiếp cận thông tin môi trường ở Việt Nam sẽ thúc đẩy hoạt động đầu tư trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hiến Pháp 2013 ngày 28 tháng 11 năm 2013.
- [2] Luật Bảo vệ môi trường 2005 (Luật số: 52/2005/QH11) ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- [3] Luật Bảo vệ môi trường 2014 (Luật số 55/2014/QH13) ngày 23 tháng 06 năm 2014.
- [4] Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số 15/2012/QH13) ngày 20 tháng 06 năm 2012.
- [5] Nghị định 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.